

TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

Dương Thị Thanh Xuân
 Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn



Hội thảo khoa học tại Trường Đại học Công đoàn

Khoa học công nghệ có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Nhận thức được tầm quan trọng của khoa học công nghệ, Đảng ta đã xác định quan điểm chỉ đạo về khoa học và công nghệ: “Cùng với giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu” [3]. Đến Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế” [2, tập 1, tr.140].

Hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) và hoạt động đào tạo là 2 nhiệm vụ quan trọng, cơ bản của trường đại học. Để nâng cao chất lượng, các trường đại học đều phải đặc biệt quan tâm đến 2 nhiệm vụ này. Trong xu thế chung của thế giới hiện nay, nhiều cơ sở giáo dục đại học đã và

đang đưa ra những chiến lược khác nhau để vừa cạnh tranh, vừa tìm cách nâng cao vị thế của mình trong “làng đại học”. Các trường đại học đang không ngừng tìm tòi các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, một trong những biện pháp quan trọng là nâng cao số lượng và chất lượng các hoạt động khoa học và công nghệ. Mỗi nhà trường muốn làm mới mình, muốn không bị lạc hậu, muốn có thương hiệu trước xu thế hội nhập ngày càng sâu, rộng, muốn luôn đổi mới, sáng tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo, cần thiết phải coi trọng hoạt động KHCN trong suốt quá trình hoạt động của mình.

Phải khẳng định rằng, chất lượng đào tạo luôn đi đôi và gắn liền với hoạt động KHCN. Thông qua hoạt động KHCN mỗi cán bộ, giảng viên, sinh viên không những vận dụng lý thuyết vào lý giải thực tiễn mà còn tiếp thu được thông tin mới và tiếp cận được với những phương pháp, tư duy mới. Từ đó, mới có thể chủ động

sáng tạo, cải tiến và đổi mới nội dung cũng như phương pháp giảng dạy; kết hợp với hoạt động nghiên cứu là một quá trình tự học hỏi, nâng cao kiến thức chuyên môn - Một quá trình tự hoàn thiện và nâng cao năng lực nhận thức và tư duy, một trong những năng lực không thể thiếu được của bất cứ ai tham gia hoạt động giảng dạy. Chất lượng từng bài giảng, từng giờ học qua đó cũng được nâng cao; quá trình trao đổi và truyền đạt kiến thức mới từ người dạy đến người học chắc chắn sẽ đạt được hiệu quả và chất lượng cao hơn. Tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động nghiên cứu khoa học tác động đến chất lượng đào tạo như thế nào có thể xem như là một câu chuyện hiển nhiên và không cần bàn cãi. Và điều đó góp phần rất lớn đến năng lực tư duy và kết quả chất lượng đầu ra của sinh viên.

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động KHCN trong trường đại học, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Công đoàn đã xây dựng chiến lược phát triển phát triển KHCN trong từng giai đoạn, ban hành các văn bản để quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KHCN như: Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; Quy định về năng lực và đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Quy định về sở hữu trí tuệ,... đầu tư cho hoạt động KH&CN theo thực lực và sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường.

Thời gian qua, hoạt động KHCN nói chung và quản lý nghiên cứu khoa học nói riêng tại Trường Đại học Công đoàn đã có được nhiều kết quả đáng khích lệ. Ngày càng có nhiều công trình NCKH cấp trên cơ sở được cán bộ, giảng viên Nhà trường thực hiện; chất lượng các công trình cấp cơ sở được nâng lên, số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo được xuất bản nhiều với chất lượng được nâng lên đáng kể. Số lượng và chất lượng đề tài NCKH của sinh viên cũng được nâng lên.

Thực trạng hoạt động KHCN của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại học Công đoàn

1.1. Hoạt động khoa học công nghệ của cán bộ, giảng viên

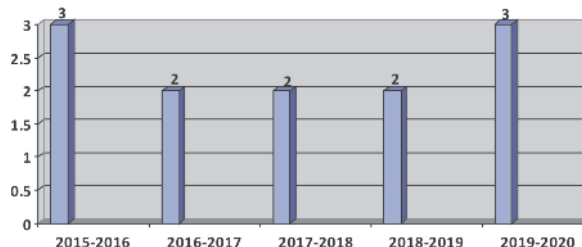
Trong những năm qua, Trường Đại học Công đoàn luôn quan tâm đến hoạt động NCKH trong đội ngũ cán bộ, giảng viên, bởi NCKH không chỉ tác động tích cực đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo mà còn góp phần nâng cao vị thế của Nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân. Hoạt động KHCN của cán bộ, giảng viên từ năm 2016 đến 2020 đã đạt một số kết quả sau:

Bảng 1.1. Số lượng đề tài và sách của cán bộ, giảng viên nhà trường trong 5 năm

Năm	ĐT cấp trên cơ sở	ĐT cấp cơ sở	Sách giáo trình/CK/TK
2015-2016	02	18	06
2016-2017	02	18	06
2017-2018	01	19	05
2018-2019	02	25	07
2019-2020	03	28	04
Tổng cộng	10	108	28

(Nguồn: số liệu của Phòng Quản lý khoa học)

Số liệu thống kê tại bảng trên cho thấy, trong 5 năm (2016 - 2020) đã có 10 đề tài cấp trên cơ sở, 108 đề tài cấp cơ sở được nghiên cứu. Các đề tài đều có nội dung nghiên cứu gắn trực tiếp với những nội dung chương trình các ngành đào tạo của Nhà trường, gắn với công tác quản lý đào tạo, công tác phục vụ đào tạo, gắn với việc nâng cao ý thức học tập, ý thức đạo đức, ý thức chính trị của sinh viên... Nhiều đề tài hướng vào giải quyết những vấn đề bất cập trong nội dung, chương trình dạy, đặc biệt về đổi mới phương pháp dạy và học; một số đề tài lại gắn trực tiếp với các doanh nghiệp. Một số đề tài sau khi được nghiệm thu, các tác giả tham gia nghiên cứu đã bổ sung và biên soạn lại thành những cuốn sách tham khảo, tài liệu học tập cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, hoặc thành các qui phạm nội bộ của Trường [2]. Kết quả nghiên cứu khoa học đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của Nhà trường, tăng tính thực tiễn cho bài giảng của giảng viên cũng như phục vụ công tác quản lý của Nhà trường.

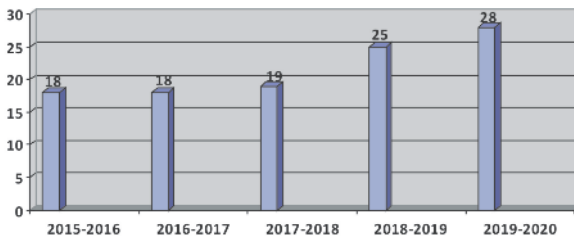


Biểu đồ 1.1. Số lượng đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp Tổng Liên đoàn (đề tài cấp trên cơ sở) của cán bộ giảng viên từ 2016 - 2020

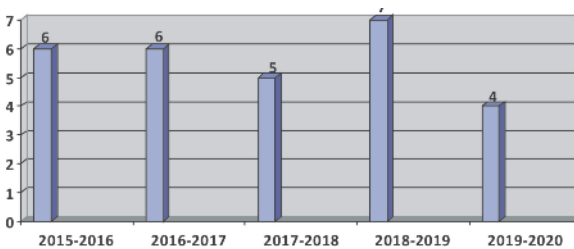
(Nguồn: số liệu của Phòng Quản lý khoa học)

Trong số 12 đề tài cấp trên cơ sở:
+ 02 đề tài cấp Nhà nước;

- + 06 Đề tài cấp Tổng Liên đoàn;
- + 04 Đề tài cấp tỉnh/bộ.



Biểu đồ 1.2. Số lượng đề tài NCKH cấp cơ sở của cán bộ giảng viên từ 2016 - 2020
(Nguồn: số liệu của Phòng Quản lý khoa học)



Biểu đồ 1.3. Số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo của cán bộ giảng viên từ 2009 - 2014
(Nguồn: số liệu của Phòng Quản lý khoa học)

Đánh giá chung về hoạt động KHCN của giảng viên

***) Về ưu điểm**

Thứ nhất, đề tài cấp trên cơ sở đã góp phần tích cực phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường, nâng cao trình độ giảng viên và xây dựng trường thành một trong những trung tâm nghiên cứu khoa học của Tổng Liên đoàn.

Thứ hai, việc biên soạn giáo trình, tài liệu những năm gần đây đã được đẩy mạnh; các giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo đã phục vụ trực tiếp cho việc đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy và học tại Trường.

***) Về hạn chế và nguyên nhân**

Thứ nhất, số lượng đề tài cấp trên cơ sở còn ít, lực lượng tham gia nghiên cứu chưa nhiều, một số cán bộ, giảng viên chưa nhiệt tình, chưa đầu tư thích đáng công sức, trí tuệ cho nghiên cứu khoa học. Một số cán bộ, giảng viên còn quá chú trọng đến giảng dạy nên chưa dành thời gian tương xứng cho hoạt động KHCN. Một số đề tài mang tính đối phó, làm để hoàn thành giờ định mức khoa học, chất lượng chưa cao. Một số cán bộ, giảng viên vẫn chưa hiểu đúng tính chất

nhệm vụ NCKH của giảng viên, nên đã có những ý kiến, những tư tưởng làm cản trở nhiệt tình NCKH của giảng viên, chưa chủ động trong việc đề xuất, tìm kiếm các thông tin về hoạt động KHCN; kinh nghiệm tham gia tìm kiếm, đầu tư các đề tài còn hạn chế.

Thứ hai, một số giáo trình, tài liệu triển khai còn chậm; việc biên soạn giáo trình, tài liệu chưa thực sự được nhiều giảng viên quan tâm; kinh phí cho viết sách, giáo trình còn hạn hẹp; chưa có biện pháp tích cực để huy động giảng viên viết bài giảng, giáo trình, tài liệu; quy định cụ thể về chế độ cho xuất bản, tái bản, phát hành giáo trình, tài liệu chưa đáp ứng với yêu cầu thực tế.

Thứ ba, bên cạnh nhiều công trình khoa học có chất lượng tốt, trình bày bài bản, vẫn còn tồn tại nhiều đề tài chất lượng chưa tốt, nội dung khoa học ít, cấu trúc báo cáo chưa hợp lý, không đảm bảo yêu cầu. Thậm chí có một số đề tài mặc dù giảng viên đã rất cố gắng nhưng sản phẩm chất lượng không cao.

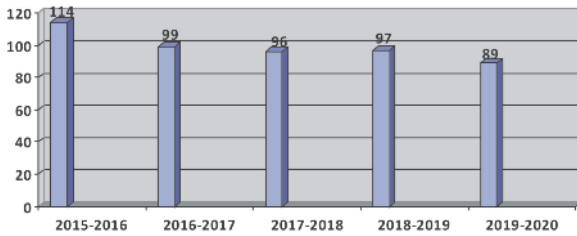
Thứ tư, các qui phạm nội bộ có liên quan đến hoạt động KHCN còn chưa đầy đủ.

Thứ năm, nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học còn thấp đã hạn chế việc đi khảo sát, điều tra, thu thập thông tin, số liệu và chưa tạo được động lực trong hoạt động nghiên cứu của cán bộ, giảng viên. Do điều kiện thực tế của Nhà trường, trong những năm qua mỗi đề tài NCKH của các khoa, bộ môn ngoài việc trừ giờ chuẩn, được Nhà trường hỗ trợ từ 3 đến 5 triệu đồng, sau đó tăng lên 6 đến 10 triệu; đối với đề tài cấp cơ sở do các phòng chủ trì, hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng, sau đó tăng lên 25 triệu đồng. Với số tiền trên khó có thể đủ điều kiện để cán bộ giảng viên trang trải trong việc thu thập thông tin và viết báo cáo. Vì thế chất lượng các đề tài chưa cao.

Thứ sáu, Nguồn thu từ hoạt động KHCN còn khiêm tốn.

1.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

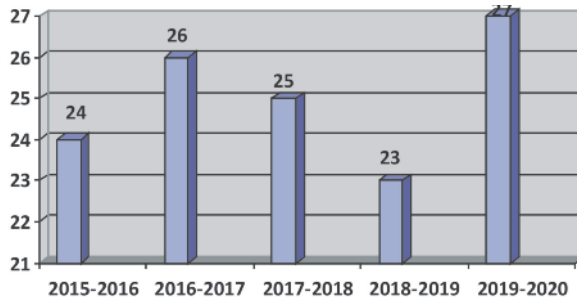
Trong 5 năm gần đây hoạt động NCKH của sinh viên diễn ra tương đối sôi nổi và rộng khắp. Từ năm 2016 - 2020, tổng số đề tài NCKH của sinh viên đã được nghiệm thu là 495 đề tài với 1714 lượt sinh viên tham gia. Trong đó số lượng các đề tài đạt giải cấp trường là 125 đề tài; đạt giải cấp Bộ và tương đương là 02 đề tài. Cụ thể như sau:



Biểu đồ 2.1. Số lượng đề tài SVNCKH 2016 - 2020

(Nguồn: số liệu của Phòng Quản lý khoa học)

Số lượng đề tài năm học 2015 - 2016 có 114 đề tài; năm 2016-2017 có 99 đề tài; năm 2017-2018 có 96 đề tài; năm 2018-2019 có 97 đề tài và năm 2019-2020 có 89 đề tài. Như vậy, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên có giảm nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, chất lượng đề tài có xu hướng tăng. Điều đó được thể hiện trong biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.2. Số lượng đề tài SVNCKH đạt giải cấp Trường 2016 - 2020

(Nguồn: số liệu của Phòng Quản lý khoa học)

Số lượng đề tài đạt giải thưởng cấp Trường nhìn chung có sự tăng giảm qua các năm. Trong số 125 đề tài đạt giải, có 30 đề tài đạt giải nhất, 45 đề tài đạt giải nhì và 50 đề tài đạt giải ba. Bình quân mỗi năm có 25 đề tài đạt giải cấp Trường (chiếm khoảng 1/4 số đề tài tham gia).

Đánh giá chung về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

***) Về ưu điểm**

Hoạt động NCKH của sinh viên trường Đại học Công Đoàn được tiến hành thường xuyên theo một quy trình với một hệ thống các biện pháp quản lý: Lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động NCKH của sinh viên và đã đạt được những kết quả nhất

định. Hàng năm, hoạt động NCKH được tuyên truyền, phát động trong toàn trường đã thu hút được sinh viên tham gia. Giảng viên các khoa đã dành thời gian, công sức, trí tuệ cho hoạt động NCKH của sinh viên và được sinh viên đánh giá cao. Sinh viên ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc NCKH đối với việc học tập. Số lượng đề tài đạt giải cấp Trường tăng. Các đề tài phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện đề án môn học, thực tập tốt nghiệp và viết các chuyên, khóa luận, đồ án tốt nghiệp.

***) Về hạn chế và nguyên nhân**

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên chưa nhiều, chất lượng đề tài chưa cao. Chưa khai thác hết tiềm năng nghiên cứu khoa học của sinh viên. Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên chưa ứng dụng nhiều vào học tập, sản xuất và đời sống v.v... Việc xác định vấn đề nghiên cứu, triển khai thực hiện đề tài của sinh viên gặp nhiều khó khăn mà nguyên nhân chính là do sinh viên còn thiếu các kĩ năng NCKH. Việc đánh giá đề tài thường chủ yếu hướng vào việc khuyến khích sinh viên tham gia NCKH (số lượng sinh viên tham gia NCKH tăng) song chưa thực sự hướng vào việc nâng cao chất lượng của đề tài. Điều này dẫn đến tình trạng số lượng đề tài đạt giải cấp Trường nhiều nhưng đề tài đạt giải cấp Bộ còn hạn chế và chủ yếu là các đề tài đạt giải thấp (không có giải nhất, nhì).

Hoạt động NCKH của sinh viên ít nhận được sự hỗ trợ từ Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Nhà trường. Hoạt động NCKH chủ yếu hoạt động dưới sự quản lý của nhà trường thông qua phòng Quản lý khoa học và các khoa chủ quản.

Kinh phí cho hoạt động NCKH chủ yếu từ nguồn ngân sách, chưa thu hút được sự hỗ trợ từ các cơ quan, đơn vị bên ngoài. Mức chi cho hoạt động NCKH của sinh viên còn hạn chế, mức hỗ trợ cho giảng viên hướng dẫn, hỗ trợ đề tài gửi dự thi cấp Bộ, hỗ trợ đề tài đạt giải cấp Trường, cấp Bộ, kinh phí chi cho Hội nghị sinh viên NCKH... còn thấp; các điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động này còn thiếu. Đây cũng là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động NCKH.

1.3. Các hoạt động khoa học khác

Thứ nhất, trong 5 năm qua, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Công đoàn của Nhà trường đã xuất bản được 20 số với hơn trăm bài báo do cán bộ,



Hội thảo quốc tế tại Trường Đại học Công đoàn

giảng viên nhà trường công bố từ kết quả nghiên cứu và giảng dạy.

Thứ hai, Số lượng các bài báo trong 5 năm qua được cán bộ giảng viên công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế là 546 bài, trong đó có 69 bài báo quốc tế.

Thứ ba, Nhà trường đã tổ chức nhiều Hội thảo trong nước và quốc tế, đặc biệt là hai Hội thảo quốc tế “Công tác xã hội Việt Nam - thách thức tính chuyên nghiệp trước nhu cầu hội nhập và phát triển” và “Đào tạo cán bộ công đoàn trong hội nhập quốc tế” đã thu hút nhiều nhà khoa học, cán bộ công đoàn trong nước và quốc tế tham gia. Thông qua Hội thảo, nhiều ý kiến của các nhà khoa học, cán bộ lãnh đạo, cán bộ công đoàn đưa ra, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn vô cùng to lớn trong quá trình đào tạo của Nhà trường; góp phần nâng cao thương hiệu của Nhà trường trong hội nhập quốc tế.

2. Đề xuất một số giải pháp tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên và sinh viên

Thứ nhất, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong việc thực hiện nhiệm vụ KHCN

- Tuyên truyền để giảng viên thấy rõ NCKH vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của mình, NCKH sẽ giúp giảng viên rèn luyện tư duy logic, hệ thống; giúp nâng cao chất lượng bài giảng, do đó giảng viên cần phải tích cực, chủ động, tự giác trong NCKH, phải biến hoạt động NCKH thành thành thói quen, niềm say mê.

- Các khoa, giảng viên cần tăng cường mối quan hệ, nắm bắt nhu cầu của các địa phương, doanh nghiệp để vận động, khai thác nguồn kinh phí phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

- Các khoa, giảng viên và sinh viên cần chủ động trong quá trình lập kế hoạch NCKH, quá trình tổ chức triển khai các đề tài NCKH. Bên cạnh đó, các khoa cần có những định hướng các mảng đề tài NCKH phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của khoa, với các vấn đề nổi cộm của Nhà trường, của đất nước cần được nghiên cứu giải quyết để giảng viên, sinh viên xem xét, đăng ký.

- Các khoa cần tổ chức các hội thảo về NCKH của sinh viên nhằm trao đổi kinh nghiệm, giúp các em có phương pháp nghiên cứu, phát huy khả năng sáng tạo của sinh viên trong hoạt động NCKH; phối hợp với Phòng Quản lý khoa học, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên... tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về hoạt động nghiên



Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Bộ

cứu khoa học, tạo cảm hứng, niềm đam mê nghiên cứu khoa học cho sinh viên; thành lập câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu khoa học.

- Cán bộ giảng viên cần tăng cường công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí trong nước và quốc tế, nhất là các tạp chí chuyên ngành có chỉ số ISI/SCOPUS. Số lượng và chất lượng các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá uy tín của một nhà khoa học cũng như một cơ sở đào tạo, nghiên cứu trên thế giới hiện nay. Vì vậy, việc tăng cường công bố các kết quả nghiên cứu khoa học của các cán bộ nghiên cứu và giảng viên của Nhà trường trên các tạp chí/tập san khoa học quốc tế là hết sức cần thiết. Số lượng bài báo công bố quốc tế càng nhiều không chỉ đánh giá năng lực và chất lượng khoa học của Nhà trường, mà còn nâng cao cơ hội hội nhập với giới khoa học quốc tế, gia tăng cơ hội tìm kiếm và triển khai các dự án quốc tế.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện các văn bản có liên quan đến hoạt động triển khai tổ chức thực hiện và quản lý KHCN

Trên cơ sở các văn bản của Nhà nước, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Giáo dục và

Đào tạo, Nhà trường cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới một số văn bản qui phạm nội bộ để quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ. Các văn bản quy phạm nội bộ này phải vừa tạo ra áp lực, vừa tạo cơ hội, vừa có cơ chế, chính sách để khuyến khích, lôi cuốn, giúp đỡ cán bộ, giảng viên, sinh viên tự nguyện và tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Ví dụ: Quy định cụ thể về điều kiện làm chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp bộ (tỉnh), cấp nhà nước; quy định cụ thể về điều kiện viết sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình; quy định cụ thể về việc thẩm định, cho lưu hành các công trình nghiên cứu...

Thứ ba, đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động khoa học công nghệ, thí điểm mô hình xây dựng, tuyển chọn và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; tăng cường mối liên kết giữa nghiên cứu - đào tạo -

ứng dụng trong giảng dạy và học tập.

Áp dụng rộng rãi hình thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế cạnh tranh - công khai - dân chủ. Việc giao trực tiếp cho đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được thực hiện công khai dựa trên các tiêu chí lựa chọn rõ ràng.

Áp dụng cơ chế đặt hàng trong nghiên cứu khoa học công nghệ nhằm gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn, nâng cao hiệu quả ứng dụng các kết quả đề tài/dự án nghiên cứu. Trong thời gian qua nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thường xuất phát từ đề xuất của các đơn vị mà ít đi từ nhu cầu thực tế của Nhà trường. Với những kết quả nghiên cứu ít giá trị từ những công trình như vậy, nguồn tài chính dù có dồi dào đến đâu, sử dụng có hợp lý đến mấy, cũng không thể coi là đã phục vụ hiệu quả cho các hoạt động của Nhà trường. Vì vậy, cần có sự tăng cường sự bắt tay chặt chẽ giữa các nhà khoa học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp sản xuất, để từ đó các nhà khoa học tự xác định được các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao trong hoạt động giảng dạy và các lĩnh vực khác của Nhà trường, của xã hội.

Đối với các đề tài cấp trên cơ sở đặt hàng, tiếp tục đưa ra mục đích, yêu cầu cụ thể đối với các đơn vị tham gia nghiên cứu. Đối với đề tài cấp cơ sở nghiên cứu đề xuất, khi Hội đồng nghiên cứu khoa học cấp Trường thông qua tên đề tài để triển khai nhiệm vụ nghiên cứu trong năm tiếp theo, sau đó một mặt công bố trên trang Web để cho các bộ phận và cá nhân có khả năng nghiên cứu gửi thuyết minh đề tài để đấu thầu.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới công tác đánh giá hoạt động KHCN

Để đánh giá được các nội dung của hoạt động KHCN một cách khách quan, chính xác, công bằng, phải xây dựng chuẩn đánh giá với các tiêu chí cụ thể, bên cạnh đó cần có các minh chứng cụ thể, các minh chứng được gắn với các tiêu chí nhất định. Từ đó, mới nâng cao ý thức trách nhiệm của giảng viên và sinh viên trong đánh giá và thực hiện hoạt động NCKH. Trong quá trình đánh giá, kiểm tra cần dựa trên những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu: đối với nghiên cứu cơ bản phải đánh giá bằng chất lượng khoa học phù hợp với chuẩn mực quốc tế; đối với nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội của việc ứng dụng trong thực tiễn làm tiêu chuẩn chủ yếu. Đồng thời, hoàn thiện các quy

định về thành lập và hoạt động của các hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bảo đảm tính độc lập và khách quan của hội đồng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia đánh giá, tiêu chuẩn thành viên và cơ cấu hội đồng phù hợp với từng loại hình nghiên cứu.

Thứ năm, tiếp tục tăng cường đầu tư tài chính cho hoạt động KHCN

Tăng cường hỗ trợ kinh phí và cơ sở vật chất cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Nhà trường cần dành tỷ lệ thích đáng nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho việc hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng phục vụ tốt, trực tiếp cho hoạt động nâng cao chất lượng và thương hiệu Nhà trường. Kinh phí này được sử dụng để hỗ trợ cho các chủ nhiệm đề tài công bố kết quả nghiên cứu như: in sách, đăng báo trên các tạp chí nước ngoài... hoặc kinh phí cần thiết để hoàn thiện kết quả đã đạt được sau nghiệm thu. Xây dựng cơ chế đánh giá sau nghiệm thu và cơ chế hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện và thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu. Hình thành các tổ chức tư vấn, giám định về chất lượng và giá cả của công nghệ trước khi chuyển giao hoặc bán. Những công trình có giá trị lý luận và thực tiễn cao, cấp bách, có khả năng ứng dụng cao, cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ để nhân rộng kết quả nghiên cứu góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển và tận dụng được tối đa hiệu quả nghiên cứu khoa học công nghệ. Tuy nhiên cần có cơ chế kiểm tra, giám sát các hoạt động này để tránh lãng phí.

Dành kinh phí cần thiết cho các khâu hình thành, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện đề tài, dự án; kiểm tra và đánh giá định kỳ kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu và hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn để đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều chỉnh mức và qui đổi định mức giờ NCKH cho cán bộ giảng viên cho phù hợp với thực tế; đồng thời, điều chỉnh đơn giá thanh toán chế độ hội đồng nhằm khuyến khích giảng viên Nhà trường và thu hút được các nhà khoa học giỏi của các cơ sở giáo dục đại học khác tham gia hội đồng.

(Xem tiếp trang 33)

chấp hành thời gian làm việc cần chủ động hơn nữa và hướng tới “Công đoàn đồng hành với chuyên môn trong việc nâng cao các mặt hoạt động của Nhà trường”.

Ba là, tiếp tục chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần cho đoàn viên và người lao động. Phối hợp với chuyên môn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đoàn viên, người lao động, như hỗ trợ kinh phí tổ chức: nghỉ mát hàng năm; các ngày lễ tết hàng năm,...

Bốn là, tiếp tục vận động cán bộ, đoàn viên và người lao động tích cực tham gia ủng hộ các quỹ xã hội tình nghĩa do Công đoàn cấp trên phát động, với tinh thần chia sẻ, lá lành đùm lá rách, không để ai ở lại phía sau.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn để kịp thời phát hiện những tập thể, cá nhân có những tư tưởng “tự diễn biến, tự chuyển hóa”, có những hành động, phát ngôn đi ngược với lợi ích của Nhà trường, của Tổ chức Công đoàn, của cộng đồng và của xã hội. Để từ đó nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và mong muốn của người lao động

về tổ chức và hoạt động công đoàn; đồng thời có những biện pháp kịp thời để uốn nắn, định hướng tư tưởng.

Sáu là, tiếp tục động viên cán bộ, giảng viên tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phối hợp với chuyên môn đôn đốc đoàn viên công đoàn thực hiện nghiêm các quy định, quy chế đảm bảo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục. Đồng thời, vận động cán bộ giảng viên tích cực thực hiện các qui phạm nội bộ của Trường, tích cực học tập nâng cao trình độ; hoàn thành tốt công việc được phân công; công bố các bài báo trên các tạp chí trong nước và quốc tế; viết giáo trình, tài liệu phục vụ cho giảng dạy và học tập của trường,... để góp phần nâng cao chất lượng và vị thế của Nhà trường.

Bảy là, tiếp tục giúp đỡ, tạo điều kiện giới thiệu đoàn viên ưu tú sang Đảng xem xét kết nạp, nhằm góp phần xây dựng Đảng.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Công đoàn cơ sở Trường Đại học Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022.
2. Báo cáo sơ kết hoạt động Công đoàn cơ sở Trường Đại học Công đoàn giữa nhiệm kỳ 2017-2022.

TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG...

(Xem tiếp trang 27)

Thứ sáu, tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

Trong Chiến lược phát triển của Trường Đại học Công đoàn giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030, việc tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế là một trong các nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động hợp tác quốc tế của Trường (cả trong lĩnh vực đào tạo cũng như lĩnh vực nghiên cứu khoa học) còn chưa tốt. Vì vậy, cần tăng cường hợp tác giữa Nhà trường với các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu quốc tế để có các đề tài/dự án hợp tác quốc tế, qua đó góp phần tăng cường năng lực nghiên cứu.

Thứ bảy, đổi mới công tác thi đua khen thưởng

Bên cạnh việc đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá... hoạt động NCKH thì cần có chính sách khen thưởng, động viên kịp thời đối với cán bộ, giảng viên và sinh viên. Trong những năm qua, Nhà trường có thực hiện công tác khen thưởng các hoạt động NCKH nhưng chưa thực sự

động viên được giảng viên, sinh viên tích cực và sáng tạo cao trong hoạt động NCKH.

Đổi mới công tác khen thưởng cần xây dựng quy chế khen thưởng và đãi ngộ xứng đáng đối với tập thể và cá nhân cống hiến cho hoạt động NCKH, như: thưởng vật chất, khen tinh thần, cấp kinh phí đi tham quan học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài, đánh giá, phân loại, điểm thưởng học tập, điểm thưởng rèn luyện.....

Thường xuyên phát động phong trào thi đua trong hoạt động KHCN, có tổng kết, đánh giá, tôn vinh những tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động này, tạo sức lan tỏa rộng rãi trong Nhà trường. □

Tài liệu tham khảo

1. Văn kiện Hội nghị Trung ương 2 Khóa VIII.
2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
3. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai số 02-NQ/HNTW BCHTW Đảng (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, ngày 24/12/1996.
4. Nguồn số liệu của Phòng Quản lý khoa học Trường Đại học Công đoàn năm học: 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020.